

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước
đối với một số hoạt động đối ngoại**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại; lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách đối với một số hoạt động đối ngoại theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là các cơ quan trung ương), các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là các địa phương) và tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động đối ngoại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) là cơ quan được quy định tại Điều 2 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

2. Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan không thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan đại diện, hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước trong hoạt động đối ngoại

1. Thu trong hoạt động đối ngoại bao gồm:

a) Phí thuộc lĩnh vực ngoại giao; lệ phí liên quan theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

b) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi ngân sách nhà nước trong hoạt động đối ngoại bao gồm: Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi hoạt động đối ngoại được thực hiện theo quy định hiện hành và phù hợp với tính chất, nội dung, đặc thù nhiệm vụ đối ngoại.

Chương II

NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 5. Nhiệm vụ chi hoạt động đối ngoại của ngân sách trung ương

1. Chi thường xuyên:

a) Chi các hoạt động ngoại giao cấp nhà nước song phương và đa phương;

b) Chi công tác đàm phán, tham gia, ký kết, thực hiện các Điều ước quốc tế;

c) Chi bảo đảm hoạt động của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

d) Chi các hoạt động liên quan đến công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia;

đ) Chi bảo hộ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế;

e) Chi hỗ trợ công tác cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống, hòa nhập vào đời sống xã hội nước sở tại, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật; chi công tác quản lý lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài;

g) Chi hoạt động ngoại giao, hội nhập quốc tế của Việt Nam; thúc đẩy hợp tác, giao lưu, hiểu biết, tăng cường hữu nghị trong các lĩnh vực;

h) Chi hoạt động đối ngoại nhân dân của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động và các tổ chức xã hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

i) Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài;

k) Chi tổ chức các sự kiện, hoạt động giới thiệu, quảng bá hàng hóa, dịch vụ và lao động của Việt Nam, xúc tiến đầu tư, thương mại, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin đối ngoại tại nước ngoài;

l) Chi hoạt động thu thập và mua thông tin kinh tế có giá trị; hoạt động thẩm tra, xác minh đối tác kinh tế; các hoạt động vận động đối tác, khách hàng kinh doanh, các chủ đầu tư, tập đoàn xuyên quốc gia, công ty lớn tại các địa bàn, địa phương ở nước ngoài nhằm xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, khoa học công nghệ, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động;

m) Chi khen thưởng đối với tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại nhà nước của các cơ quan trung ương; chi khen thưởng đối với tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại nhân dân của các cơ quan trung ương được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hoặc hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;

n) Chi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại; chi nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp công tác tham mưu, dự báo chiến lược, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước; đào tạo, tập huấn, thực tập, trao đổi học thuật, tham gia hội nghị, hội thảo liên quan của người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên, phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, chiến lược của quốc gia;

o) Chi thuê, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, mua phương tiện đi lại ở trong nước và nước ngoài nhằm bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật và yêu cầu đối ngoại;

p) Chi thuê, sửa chữa, bảo trì trụ sở, nhà ở, hiện đại hóa cơ sở vật chất (bao gồm cả các cơ sở nhà đất phục vụ cho công tác đối ngoại sử dụng theo hình thức hỗ tương) ở trong nước và nước ngoài nhằm bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật và yêu cầu đối ngoại;

q) Chi cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, cải tạo nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở vật chất hiện có ở

trong nước và các trụ sở làm việc, trụ sở đối ngoại, nhà ở cán bộ nhân viên của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc sở hữu của Việt Nam;

r) Chi bảo đảm hoạt động bộ máy phục vụ công tác đối ngoại của các cơ quan trung ương;

s) Chi hoạt động nghiệp vụ đối ngoại khác được Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi xây dựng các công trình liên quan đến mốc quốc giới;

b) Mua, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở vật chất ở trong nước phục vụ công tác đối ngoại;

c) Mua, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

d) Chi thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở, nhà ở của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

đ) Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ công tác đối ngoại trong nước và tại các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

3. Chi viện trợ theo quy định tại Nghị định số 305/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài.

Điều 6. Nhiệm vụ chi hoạt động đối ngoại của ngân sách địa phương

1. Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội; phục vụ công tác ngoại giao văn hóa thuộc nhiệm vụ của địa phương;

b) Chi công tác đàm phán, tham gia, ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế;

c) Chi hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia thuộc nhiệm vụ của địa phương;

d) Chi hoạt động đối ngoại nhân dân của các đoàn thể tại địa phương được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hoặc hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;

đ) Chi phục vụ công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; chi bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài theo quy

định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế thuộc chức năng, nhiệm vụ của địa phương;

e) Chi phục vụ công tác quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài ở địa phương;

g) Chi phục vụ công tác ngoại giao kinh tế; công tác quản lý, vận động và tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại địa phương;

h) Chi hoạt động thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương;

i) Chi hoạt động phục vụ công tác kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận; hoạt động phục vụ việc tiếp nhận các hình thức khen thưởng của tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tặng;

k) Chi khen thưởng đối với tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại nhân dân của các đoàn thể ở địa phương được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hoặc hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;

l) Chi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại ở địa phương; đào tạo, tập huấn, thực tập, trao đổi học thuật, tham gia hội nghị, hội thảo liên quan của người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên, phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, chiến lược của quốc gia, địa phương;

m) Chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ công tác đối ngoại;

n) Chi bảo đảm hoạt động bộ máy phục vụ công tác đối ngoại của địa phương;

o) Chi thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

a) Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ công tác đối ngoại;

b) Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở vật chất phục vụ công tác đối ngoại.

3. Chi viện trợ theo quy định tại Nghị định số 305/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài.

Chương III

LẬP, CHẤP HÀNH, QUYẾT TOÁN VÀ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 7. Nguyên tắc lập, chấp hành, thanh toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước cho hoạt động đối ngoại

1. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước cho hoạt động đối ngoại của các cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị định này quy định các nội dung đặc thù trong công tác lập dự toán, chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước trong hoạt động đối ngoại.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng và việc mua sắm, thanh lý tài sản, hàng hóa, dịch vụ để duy trì hoạt động thường xuyên của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, trừ Hiến pháp, thì áp dụng quy định của pháp luật có liên quan theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước sở tại là thành viên;

b) Pháp luật của nước sở tại;

c) Pháp luật của nước Việt Nam, trong đó:

Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây gọi là Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

Đối với nhiệm vụ sử dụng chi thường xuyên thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 tháng 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Căn cứ Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước; quy định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; hướng dẫn của Bộ Tài chính về lập dự toán ngân sách năm sau, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư công năm sau; tình hình thực hiện ngân sách năm trước; yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan chủ quản bao gồm cả nhiệm vụ của các cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan chủ quản của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hướng dẫn các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài lập dự toán thu, chi ngân sách năm sau.

Cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với Bộ Ngoại giao trong việc hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài lập dự toán thu, chi ngân sách năm sau đối với lĩnh vực chuyên môn do cơ quan phụ trách.

Dự toán ngân sách nhà nước năm sau của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được lập bằng đồng Việt Nam quy đổi ra đô la Mỹ theo tỷ giá hạch toán tháng 6 năm hiện hành do Bộ Tài chính quy định.

2. Căn cứ hướng dẫn của cơ quan chủ quản; nhiệm vụ cụ thể được giao; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, các chỉ tiêu làm căn cứ xây dựng dự toán; biến động giá cả của nước sở tại, biến động của đô la Mỹ so với đồng tiền địa phương; tình hình thực hiện dự toán ngân sách các năm trước của các bộ phận, Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau gửi cơ quan chủ quản tổng hợp. Dự toán ngân sách phải kèm bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán từng khoản thu, chi. Kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại của Bộ Công Thương tại cơ quan đại diện được bố trí trong dự toán của Bộ Công Thương.

3. Cơ quan chủ quản xem xét dự toán ngân sách do các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc lập, tổng hợp và lập dự toán ngân sách nhà nước năm sau của cơ quan gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 7 hàng năm để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền.

4. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước đối với các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Luật Ngân sách nhà nước, các cơ quan trung ương phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc bằng đồng Việt Nam quy đổi ra đô la Mỹ theo tỷ giá khi lập dự toán, ngoài nguyên tắc chung tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này, cần bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, bao gồm thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Trường hợp có phát sinh thiếu dự toán tính theo đồng Việt Nam do chênh lệch tỷ giá hạch toán tại thời điểm xây dựng dự toán và tỷ giá hạch toán tại thời điểm Cơ quan chủ quản giao dự toán đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan chủ quản tổng hợp nhu cầu bổ sung kinh phí gửi cơ quan tài chính chậm nhất trước ngày 01 tháng 11 năm thực hiện để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán làm căn cứ thực hiện và quyết toán. Trường hợp thừa dự toán tính theo đồng Việt Nam do chênh lệch tỷ giá hạch toán cơ quan chủ quản phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện hủy dự toán theo quy định.

2. Đối với các hoạt động chuyên môn đặc thù bố trí trong dự toán của các cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện

a) Các hoạt động được bố trí trong dự toán của các cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện là các hoạt động quy định tại điểm k khoản 1 Điều 5 Nghị định này được Thủ tướng Chính phủ quyết định và hoạt động quy định tại điểm l khoản 1 Điều 5 Nghị định này;

b) Các cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài căn cứ dự toán được bố trí và nhiệm vụ cần triển khai các hoạt động quy định tại điểm a khoản 2 Điều này ở từng địa bàn, có văn bản thông báo đề nghị Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp bố trí cán bộ biệt phái thực hiện nhiệm vụ. Căn cứ nội dung công việc, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành, cơ quan chủ trì hoạt động phê duyệt nội dung, dự toán chi tiết kinh phí thực hiện và chuyển kinh phí để thực hiện các hoạt động vào tài

khoản của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, trừ kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại của Bộ Công Thương chuyển vào tài khoản của bộ phận biệt phái của Bộ Công Thương tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 10. Tổ chức thu, nộp ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức quản lý và thực hiện thu phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định; hạch toán toàn bộ số tiền thu từ phí, lệ phí và các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định vào Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài báo cáo số dư Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước để Bộ Ngoại giao tổng hợp, gửi Bộ Tài chính.

2. Người đứng đầu Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm trong việc quản lý các khoản thu, chi Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước đúng quy định. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Tài chính hướng dẫn.

Điều 11. Cấp kinh phí chi ngân sách nhà nước đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao của từng Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và số dư Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan chủ quản thực hiện chuyển kinh phí cho các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài bảo đảm đủ theo dự toán bằng đô la Mỹ theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm cấp.

2. Trường hợp các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phát sinh các sự kiện, nhiệm vụ, hoạt động đột xuất, cấp bách và cần triển khai ngay theo chủ trương của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cho phép Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ứng trước dự toán từ Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước để thực hiện trong khi chưa được giao dự toán, đồng thời gửi thông báo đến Bộ Tài chính để theo dõi, phối hợp.

Kinh phí ứng trước không vượt quá tổng mức kinh phí được sử dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương và trong phạm vi số dư Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Ngay sau khi ứng trước dự toán từ Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm đề xuất bố trí dự toán để thu hồi kinh phí đã ứng trước, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Đối với các khoản ứng trước từ Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phát sinh trong tháng 12 năm thực hiện, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phân bổ dự toán ngân sách năm sau để thu hồi hết số kinh phí đã ứng trước; trường hợp vượt khả năng cân đối dự toán, Bộ Ngoại giao đề xuất bổ sung kinh phí gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 12. Quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Thủ trưởng Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan. Bộ Công Thương, bộ phận biệt phái của Bộ Công Thương tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng dự toán được giao.

2. Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài khi trả tiền cho bên thụ hưởng phải sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt để chi trả trừ các trường hợp sau:

a) Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài tại nước có hệ thống tài khoản thanh toán chưa phát triển, tại nước bị cấm vận, đơn vị cung cấp dịch vụ không mở tài khoản ngân hàng;

b) Các khoản chi được phép chi trả bằng tiền mặt theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Các khoản chi tại Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài có thể lựa chọn hình thức thanh toán để chi trả: Tiền sinh hoạt phí, công tác phí, các loại phụ cấp, hỗ trợ, thanh toán cho thành viên theo chế độ quy định.

3. Cơ quan chủ quản của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện kiểm soát chi căn cứ trên chứng từ Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài gửi về bảo đảm đúng quy định.

Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ chi và các hồ sơ kèm theo chứng từ chi. Cơ quan chủ quản của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài kiểm soát nhiệm vụ chi, chế độ chi tiêu, nguồn kinh phí theo quy định.

Điều 13. Lập, quản lý, thanh toán và quyết toán các dự án đầu tư xây dựng của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Việc lập và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm các dự án đầu tư xây dựng ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

2. Việc quản lý về đầu tư xây dựng của các dự án đầu tư xây dựng ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, trừ Hiến pháp, thì áp dụng quy định của pháp luật có liên quan theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước sở tại là thành viên;

b) Pháp luật của nước sở tại;

c) Pháp luật của nước Việt Nam.

3. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 14. Mở tài khoản giao dịch, sử dụng ngân sách nhà nước của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

Thủ trưởng Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm xem xét, quyết định lựa chọn ngân hàng có uy tín ở nước sở tại để mở tài khoản của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài phục vụ hoạt động, bảo đảm an toàn kinh phí, tiền gửi của cơ quan. Bộ phận biệt phái của Bộ Công Thương tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mở tài khoản để tiếp nhận kinh phí hoạt động do Bộ Công Thương giao.

Điều 15. Xử lý thu, chi cuối năm, kế toán, quyết toán, công khai ngân sách nhà nước đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Hết thời gian chính lý quyết toán ngân sách, các khoản dự toán chi hoạt động thường xuyên của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy dự toán bằng cách trừ lĩnh vực chi tương ứng thuộc dự toán chi ngân sách năm sau của cơ quan, trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Việc hạch toán, quyết toán

a) Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hạch toán kế toán bằng đô la Mỹ và đồng tiền sở tại. Kết thúc năm ngân sách, Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện khóa sổ kế toán bằng đô la Mỹ và đồng tiền sở tại và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước bằng đô la Mỹ quy đổi gửi cơ quan chủ quản;

b) Cơ quan chủ quản xét duyệt quyết toán ngân sách của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán bằng đô la Mỹ quy đổi; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách thuộc phạm vi được giao bằng đồng Việt Nam quy đổi từ đô la Mỹ, gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 05 tháng 7 năm sau;

c) Tỷ giá quy đổi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này là tỷ giá hạch toán bình quân cả năm căn cứ tỷ giá hạch toán hàng tháng do Bộ Tài chính quy định.

3. Đối với các hoạt động do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức hạch toán, theo dõi riêng khoản kinh phí do cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chuyển đến để thực hiện các nhiệm vụ được giao (không hạch toán chung vào nguồn kinh phí hoạt động của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài), đồng thời có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, nội dung hoạt động được cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài giao nhiệm vụ. Sau khi thực hiện xong công việc, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tập hợp đủ chứng từ chi tiêu gửi về cơ quan có cán bộ biệt phái tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổng hợp vào quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ quyết toán.

Trường hợp kinh phí chuyên môn đặc thù do cơ quan có cán bộ biệt phái chuyển đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cuối năm còn dư không được chuyển sang năm sau theo quy định thì cơ quan có cán bộ biệt phái thực hiện thu hồi và nộp lại ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định bằng đô la Mỹ, cơ quan chủ quản Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán tại thời điểm giao dự toán đối với dự toán đầu năm, tỷ giá hạch toán tại thời điểm cấp kinh phí trong năm đối với tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm), tỷ giá hạch toán bình quân cả năm căn cứ tỷ giá hạch toán hàng tháng do Bộ Tài chính quy định đối với quyết toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không bao gồm số liệu và báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 4 năm 2026.

2. Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các cơ quan khác ở trung ương, Thủ trưởng các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 70



Hồ Đức Phớc